

## SỰ KHÁC BIỆT TRONG QUAN NIỆM CỦA C.MÁC VÀ J.RAWLS VỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

NGUYỄN MINH HOÀN (\*)

*Trong bài viết này, tác giả đã phân tích quan niệm của C.Mác và của J.Rawls về công bằng xã hội; làm rõ thêm sự khác biệt trong quan niệm của các ông về vấn đề này, nhất là sự khác biệt trong quan điểm về xuất phát điểm bình đẳng dựa trên sự tự nguyện về quan hệ khế ước bảo đảm công bằng xã hội. Cả C.Mác và J.Rawls đều thấy khế ước luôn gắn với quan hệ hợp tác và tự nguyện. Song, khác với J.Rawls, C.Mác không tuyệt đối hoá, lý tưởng hoá và trừu tượng hoá sự tự nguyện và xuất phát điểm bình đẳng.*

Có nhiều quan điểm khác nhau về công bằng xã hội trong lịch sử, song điểm chung giữa chúng là đều dựa trên *xuất phát điểm bình đẳng* trong mối quan hệ giữa người và người với tư cách là thước đo thực sự của công bằng xã hội nói chung và khế ước xã hội nói riêng. Tuy vậy, việc vạch ra thực chất về sự khác biệt giữa quan điểm của C.Mác và một số quan điểm trong lịch sử, đặc biệt là với quan điểm của một số học giả phương Tây hiện đại về công bằng xã hội, vẫn phải căn cứ vào chính sự khác nhau trong quan niệm về xuất phát điểm bình đẳng ấy, để qua đó thấy được cái gì mới thực sự là thước đo của công bằng với tư cách điều kiện để giải phóng và phát triển ngày càng toàn diện con người.

Trong hệ thống quan điểm của C.Mác về công bằng xã hội, đáng chú ý là những quan điểm của ông đối với những tư tưởng về *khế ước xã hội* trong lịch sử. Chính những quan điểm về khế ước xã hội ấy đã bộc lộ rõ nét quan điểm của

C.Mác về công bằng xã hội. Có thể thấy, nội dung của những tư tưởng về khế ước xã hội nói riêng và công bằng xã hội nói chung bao giờ cũng được thực hiện bởi một xuất phát điểm bình đẳng trong mối quan hệ giữa người với người trong các lĩnh vực nhất định. Chẳng hạn, có quan điểm coi xuất phát điểm bình đẳng của công bằng xã hội nói chung và khế ước xã hội nói riêng là sự ngang nhau về một *điều kiện xã hội* cụ thể nào đó, như địa vị đẳng cấp, địa vị kinh tế, chính trị, đạo đức, văn hoá... Ngược lại, có quan điểm cho rằng xuất phát điểm bình đẳng ấy lại là sự ngang nhau về những *điều kiện tự nhiên* của mỗi cá nhân, như điều kiện bẩm sinh, năng lực cá nhân, tư chất thông minh, thậm chí do sự quy định bởi đẳng siêu nhiên, mệnh trời...

Mặc dù có sự khác nhau về xuất phát điểm bình đẳng của công bằng xã hội

(\*) Tiến sĩ, Viện Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

nói chung và của kế ước xã hội nói riêng ấy, nhưng xuất phát điểm bình đẳng của kế ước xã hội lại thường đồng nghĩa với *sự tự nguyện* tham dự vào mối quan hệ xã hội nhất định giữa người và người. Cùng với sự phát triển của những quan điểm về công bằng trong lịch sử nói chung và quan niệm về kế ước xã hội nói riêng, sự tự nguyện ấy dần dần đã trở thành thước đo để thực hiện công bằng xã hội ngày càng thực sự hơn, mà kết quả là ngày càng đạt tới sự bình đẳng hoàn toàn giữa người với người.

Trong quan điểm của C.Mác, sự tự nguyện trong mối quan hệ kế ước như là cốt lõi của việc thực hiện công bằng xã hội được nhấn mạnh ở những đặc điểm nào? Trước hết, xuất phát từ sự phân tích những quan điểm về kế ước xã hội trong lịch sử, cụ thể là khi bàn về quan điểm “kế ước xã hội” manh nha của Epiquya, C.Mác đã chỉ rõ, quan điểm ấy trong lịch sử đã khiến người ta thấy rằng chính “nền tảng hiện thực” dựa trên “sự giao ước giữa người với người” - cơ sở của một “kế ước xã hội” - đã làm cho thế giới “*thoát khỏi sự lừa dối*, tức là thoát khỏi sự sợ hãi thần thánh”(1). Như vậy, quan điểm của C.Mác về công bằng xã hội nói chung và về kế ước xã hội nói riêng bao giờ cũng dựa trên cơ sở kinh tế - xã hội hiện thực. Tuy nhiên, không phải vì thế mà ông phủ nhận toàn bộ những quan điểm về công bằng xã hội có trong lịch sử, kể cả những quan điểm đã bị thần thánh hoá. Với quan điểm duy vật về lịch sử, C.Mác đã khai thác và bóc tách những khía cạnh hợp lý trong các quan điểm có

tính thần thánh về công bằng nhằm mục đích cải tạo nó.

Trên tinh thần ấy, trong khi vạch ra bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản - cái bản chất được che đậy bởi quan hệ giữa người với người luôn được nhấn mạnh là quan hệ bình đẳng, đặc biệt trong quan hệ trao đổi hàng hoá, C.Mác đã trở lại việc phân tích quan điểm công bằng xã hội của Arixtốt. Ông chỉ rõ sự hạn chế trong quan niệm của Arixtốt về công bằng xã hội là đã đồng nhất nó với chính sự bất bình đẳng giữa những người không cùng đẳng cấp. Nhưng, điều cần nhấn mạnh là ở chỗ, C.Mác đánh giá cao những cống hiến thực sự trong quan niệm về công bằng xã hội của Arixtốt. Theo ông, chính Arixtốt là người đầu tiên phát hiện thấy *cơ sở của sự công bằng xã hội là sự công bằng trong trao đổi vật phẩm* dựa trên một thước đo bình đẳng. C.Mác cho rằng, điều mà Arixtốt đã chỉ ra là ở chỗ, “sự trao đổi không thể có được nếu không có sự bằng nhau, nhưng sự bằng nhau lại không thể có được nếu như không thể đo chung được”(2). Hơn nữa, thước đo trong trao đổi hàng hoá ấy, theo quan niệm của Arixtốt, như C.Mác đã nhấn mạnh, chính là biểu hiện của giá trị. Cũng theo C.Mác, lý do khiến Arixtốt không thấy được điều đó là ở chỗ, trong điều kiện một nền sản xuất hàng hoá kém phát triển, Arixtốt đã khó thấy được chính *lao động là thước đo bình đẳng của công bằng* trong mối quan hệ trao đổi hàng hoá, cho nên nó đã trở

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 185-186.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr. 97.

thành một “*điều bí ẩn*” đối với chính ông. C.Mác khẳng định: “Thiên tài của Arixtốt chính là ở chỗ, trong biểu hiện giá trị của các hàng hoá, ông đã tìm ra được một *quan hệ bình đẳng*. Chỉ có những giới hạn lịch sử của xã hội mà ông đang sống mới ngăn cản không cho ông thấy được “trong thực tế”, mối quan hệ bình đẳng đó là cái gì” (tác giả nhấn mạnh - NMH).(3).

Như vậy, theo quan điểm của C.Mác, cơ sở để thực hiện công bằng xã hội nói chung bao giờ cũng phải dựa trên một xuất phát điểm bình đẳng giữa người và người, hay cơ sở để thực hiện kế ước xã hội nói riêng bao giờ cũng phải dựa trên sự tự nguyện tham gia vào mối quan hệ xã hội ấy. Xuất phát điểm bình đẳng và sự tự nguyện ấy bao giờ cũng phải dựa trên quan hệ bình đẳng trong quan hệ kinh tế. Thực tế cho thấy, C.Mác luôn vạch rõ tính chất phi lịch sử của những quan điểm không dựa trên một quan hệ kinh tế - xã hội nhất định.

C.Mác còn chỉ rõ trong điều kiện quan hệ giữa những cá nhân còn bị chi phối bởi *tính ngẫu nhiên* và độc lập với những cá nhân riêng lẻ thì sự liên hiệp giữa những cá nhân “hoàn toàn không phải là tự nguyện như đã được miêu tả trong “Kế ước xã hội”; vả lại, “cái quyền được hưởng tính ngẫu nhiên mà không bị cản trở gì trong khuôn khổ những điều kiện nhất định là cái mà cho tới nay người ta gọi là *tự do cá nhân* (tác giả nhấn mạnh - NMH.). Những điều kiện tồn tại ấy đương nhiên chỉ là những lực lượng sản xuất và những hình thức giao tiếp hiện hữu”(4). Hơn nữa, C.Mác đặc biệt nhấn mạnh

rằng, “chừng nào sự phân chia hoạt động còn được tiến hành không phải một cách *tự nguyện* (tác giả nhấn mạnh - NMH.) mà một cách tự nhiên thì chừng đó hành động của bản thân con người sẽ trở thành một lực lượng xa lạ, đối lập với con người, và nô dịch con người, chứ không phải bị con người thống trị”(5). Bởi vậy, chỉ khi nào hoạt động của các cá nhân diễn ra “một cách tự nguyện” thì lúc đó, mới có sự *bình đẳng* hoàn toàn giữa những con người và được thể hiện trước hết ở chỗ “mỗi người *đều có thể*” (tác giả nhấn mạnh - NMH.) tự hoàn thiện mình trong bất kỳ lĩnh vực nào thích”(6). Và khi hoạt động của từng cá nhân không còn mang tính “độc chuyên” do bị ràng buộc bởi sự phân công lao động tự nhiên, nghĩa là con người được tự do(7), thì lúc ấy mới thực sự có sự công bằng.

Thực chất của sự *tự nguyện* trong các quan hệ xã hội giữa người và người, như C.Mác đã nhấn mạnh, bao giờ cũng bị quy định bởi “*những lực lượng sản xuất và những hình thức giao tiếp hiện hữu*”, chứ không phải bởi một lực lượng xa lạ nào đó. Những quan điểm khác nhau về công lý, công bằng trong mối quan hệ với bình đẳng xã hội từ cổ đại đến cận đại, theo đánh giá của C.Mác, chỉ nhấn mạnh đến sự *tự nguyện* (tự do cá nhân) và bình đẳng như là một thước đo của sự công bằng trừu tượng. Mặt khác, mọi xuất

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.23, tr.98.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.3, tr. 109.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.3, tr.47.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.3, tr.47.

(7) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.3, tr.47.

phát điểm bình đẳng không do quan hệ hiện thực giữa người và người quy định, mà là bởi một lực lượng xa lạ với con người. Những quan điểm về xuất phát điểm bình đẳng nói chung của công bằng xã hội và xuất phát điểm bình đẳng ở sự tự nguyện tham gia vào quan hệ khế ước xã hội, như C.Mác đã chỉ rõ, về thực chất, khác biệt với cả những quan điểm hiện đại của một số học giả phương Tây về công bằng xã hội - cái được coi là điều kiện cho sự tự do của con người.

Những quan điểm khác nhau về công lý, công bằng, bình đẳng xã hội của các học giả phương Tây hiện đại mặc dù được tiếp cận theo nhiều hướng khác nhau, ở những cấp độ khác nhau và ở những lĩnh vực khác nhau, chẳng hạn như trong kinh tế, triết học, đạo đức học...; song, tựu trung lại, chúng đều đi vào phân tích mối quan hệ phân chia lợi ích giữa người và người, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Trong đó, tiêu biểu là quan điểm của J.Rawls (1921 - 2002), người đã đưa ra một lý thuyết về công bằng xã hội với mong muốn khắc phục được hạn chế của nhiều quan điểm về công lý và về công bằng trong lịch sử dựa trên những quan điểm về khế ước xã hội. J.Rawls cũng đưa ra quan điểm của mình về thước đo bình đẳng và sự tự nguyện (tự do cá nhân) với tính cách cơ sở đảm bảo công lý và công bằng xã hội ấy. Nhưng thực chất quan điểm của J.Rawls có phải là chìa khoá vạn năng cho việc giải quyết mọi quan hệ giữa người và người, đặc biệt là quan hệ kinh tế trong xã hội hiện đại ấy hay không?

Trước hết, lý thuyết mà J.Rawls đưa ra được coi là sự tiếp nối và phát triển những tư tưởng truyền thống về công bằng xã hội trong lịch sử, đặc biệt là tư tưởng về Khế ước xã hội của Lóccô, G.G.Rút-xô cũng như những tư tưởng về đạo đức học của Cantô. Trong tác phẩm "A theory of justice" (Lý thuyết về công lý), vấn đề công bằng và bình đẳng đã được J.Rawls nghiên cứu một cách hệ thống mang tính lý thuyết thuần túy, đối tượng của công bằng được ông xác định chính là *thể chế xã hội* nói chung, cái quyết định cho sự lựa chọn nguyên tắc phân chia quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản, hay đó là phương thức phân phối lợi ích có được từ hoạt động hợp tác xã hội của mỗi cá nhân.

Xuất phát từ luận điểm "*công lý với tính cách là công bằng*", J.Rawls đã so sánh với *khế ước xã hội* truyền thống và cho rằng, ở "*trạng thái bình đẳng nguyên thủy của công lý với tính cách là công bằng*" là một sự nhất trí với *trạng thái tự nhiên* trong khế ước xã hội truyền thống" (8). Đương nhiên, với mong muốn xây dựng một lý thuyết trừu tượng hơn về công bằng xã hội. J.Rawls đã giả định về một *trạng thái nguyên thủy* với tư cách xuất phát điểm bình đẳng cho việc thực hiện mục tiêu công bằng nêu trên. Vì thế, trạng thái xã hội lý tưởng ấy, theo ông, không phải là "một hoàn cảnh lịch sử cụ thể" (9), mà chỉ là một trạng thái giả

(8) John Rawls. *A theory of justice*, Revised edition. The Belknap press of Havard university press Cambridge, Massachusetts. USA, 2001. p.11.

(9) John Rawls. *Ibid*, p.11.

thuyết thuần túy để đạt tới một thước đo bình đẳng lý tưởng cho nguyên tắc công lý với tính cách là công bằng. Còn con người trong trạng thái nguyên thủy - trạng thái với điểm xuất phát bình đẳng lý tưởng ấy - là "con người lý tính và không vụ lợi"(10). Họ lựa chọn nguyên tắc công lý khi đứng đằng sau bức màn của sự vô tri (ignorance)(11).

Hơn nữa, trong quan niệm về công lý với tính cách là công bằng của J.Rawls, thì công lý (được hiểu là lẽ phải, điều thiện, hay phẩm hạnh tối cao của con người) sẽ không chỉ là xuất phát điểm bình đẳng, mà là chuẩn mực của trạng thái xã hội lý tưởng mà ở đó, mỗi cá nhân khi tham dự vào hợp tác xã hội hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện (tự do cá nhân) và ngày càng đạt được lợi ích tối đa của mình. Nói cách khác, ở trạng thái xã hội lý tưởng, công lý với tính cách là công bằng sẽ đạt đến giá trị công lý thực sự.

Ngược lại, trong một thể chế xã hội cụ thể thì công lý mới chỉ có nghĩa là công bằng, hay công bằng là sự thể hiện phần nào của công lý trong cái mệnh đề "công lý với tính cách là công bằng" ấy. Nếu chuẩn mực để xác định sự công bằng trong một thể chế xã hội cụ thể chính là nguyên tắc phân chia quyền lợi và nghĩa vụ cho mỗi cá nhân, thì tiêu chí để xác định thể chế xã hội gọi là công bằng ấy được J.Rawls quan niệm như thế nào? J.Rawls cho rằng, trước hết công bằng chỉ có được khi con người tự nguyện cùng tham dự vào hợp tác xã hội để sao cho mỗi cá nhân giành được lợi ích nhiều hơn

so với khi họ sống đơn lẻ. Nói cách khác, nếu thể chế của một xã hội là căn cứ để xác định được một nguyên tắc phân chia quyền lợi và nghĩa vụ phù hợp với lợi ích của mỗi cá nhân trên tinh thần tự nguyện trong quan hệ hợp tác ấy, thì thể chế xã hội đó được gọi là công bằng.

Đương nhiên, theo J.Rawls, bất cứ một xã hội nào đều không thể là một cơ chế hợp tác dựa trên sự bình đẳng hoàn toàn, vì mỗi người sinh ra ở một vị thế xã hội đặc định và tính chất thực tế của trạng thái ấy đã ảnh hưởng tới mọi mặt đời sống của mỗi cá nhân. Thế nhưng, nếu một xã hội cụ thể phù hợp với nguyên tắc công bằng, hay ở một trình độ cao hơn - phù hợp với giá trị công lý dựa trên cơ sở hợp tác tự nguyện, thì nó sẽ ngày càng trở thành một cơ chế hợp tác được mọi người thừa nhận và họ mới thực hiện nghĩa vụ của mình một cách tự nguyện.

Hiện nay, khi bàn về công bằng xã hội thể hiện ở tinh thần của khế ước xã hội, có không ít nghiên cứu đã vạch rõ sự khác biệt giữa tư tưởng về sự công bằng của C.Mác và của J.Rawls, đặc biệt là sự khác biệt trong quan điểm về xuất phát điểm bình đẳng dựa trên sự tự nguyện về quan hệ khế ước đảm bảo công bằng xã hội của các ông. Trong đó, đáng chú ý là quan điểm của Jacques Bidet, một nhà triết học chính trị người Pháp đương thời(12). J.Bidet cho rằng, trạng thái

(10) John Rawls. *Ibid*, p.12.

(11) John Rawls. *Ibid*, p.11.

(12) Tham khảo: Jacques Bidet: *A Metastructural Reinterpretation of the Rawlsian Theory: From Rawls to Machiavelli*, Ratia. Juris blackwell publishers Oxford uk and Cambridge. USA, 1995.

*nguyên thủy* và *bức màn của sự "vô tri"* không phải do J.Rawls sáng tạo, mà được kế thừa từ những quan điểm về kế ước xã hội theo tinh thần của Lốccơ, Rútxô, Cantơ... Hơn nữa, ưu thế trong lý thuyết công lý của J.Rawls không phải là làm cho kế ước truyền thống thích ứng với bối cảnh xã hội đương thời, mà là ở chỗ nó đã vạch ra được lôgic chân thực của quan hệ kế ước xã hội đương thời. Bức màn *vô tri* với tính cách là xuất phát điểm bình đẳng với sự tự nguyện trong mỗi quan hệ hợp tác xã hội giữa người và người chỉ có trong xã hội lý tưởng mà thôi. Cho nên, nó chỉ là một giả định trừu tượng thuần túy. Còn trong xã hội hiện thực, do luôn có sự khác biệt về khả năng bẩm sinh và điều kiện xã hội của mỗi cá nhân, nên *vi thể đặc định* của mỗi cá nhân không thể là bình đẳng, mà vẫn phải được coi là xuất phát điểm khác nhau khi tham dự vào quan hệ hợp tác xã hội.

Mặt khác, theo J.Bidet, nếu tách khỏi những cơ may ngẫu nhiên, sự hiện thực hoá lý tính cũng không hề giản đơn, vì trong xã hội hiện thực vẫn luôn tồn tại khả năng phá vỡ quan hệ kế ước. Một ví dụ điển hình nhất trong xã hội đương thời chính là quan hệ giai cấp dựa trên phương thức của kết cấu xã hội vốn có, hơn nữa quyền lực của sự thống trị luôn chi phối mọi quan hệ xã hội ở trong bất cứ một giai đoạn lịch sử nào. Do đó, lý thuyết của J.Rawls chỉ mang tính giả định. Nếu quan hệ kế ước không dừng ở việc coi đó chỉ là "lý tính thực tiễn" hay là "xã hội không tưởng", thì lý thuyết ấy sẽ phải bị tiêu vong. Do đó, J.Bidet đi đến

kết luận, lý thuyết công lý của J.Rawls trong điều kiện hiện thực của thị trường đã khiến quan hệ hợp tác xã hội không phải dựa trên nguyên tắc bình đẳng và tự nguyện thực sự, mà thực tế là luôn xuất phát từ quan hệ *bất bình đẳng* và *sự cưỡng chế*.

Để làm rõ thực chất về sự khác biệt trong quan điểm của C.Mác và của J.Rawls về quan hệ kế ước, J.Bidet cho rằng, mặc dù C.Mác không trực tiếp bàn về lý thuyết công bằng xã hội, nhưng toàn bộ những công trình lý luận của ông đều tập trung phê phán sự bất công của xã hội tư bản chủ nghĩa thể hiện ở quan hệ bóc lột lao động làm thuê dựa trên sự chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, đứng trên lập trường của *chủ nghĩa cấu trúc* khi nhấn mạnh đến tính *hệ thống* và tính *chính thể* của quan hệ xã hội nói chung, hay quan hệ kế ước nói riêng, theo J.Bidet, xét ở một khía cạnh nhất định thì quan điểm của C.Mác và của J.Rawls lại có một quan hệ tất yếu. Bởi vì, cả C.Mác và J.Rawls đều thấy rằng *kế ước* luôn gắn với quan hệ hợp tác tự nguyện và bình đẳng. Nhưng khác với J.Rawls, C.Mác đã không tuyệt đối hoá, lý tưởng hoá và trừu tượng hoá sự tự nguyện và xuất phát điểm bình đẳng. Bởi, theo C.Mác, trong điều kiện của xã hội tư bản chủ nghĩa, quan hệ kế ước dựa trên sự tự nguyện và bình đẳng ấy sẽ dẫn đến một quan hệ đối lập với chính nó, nghĩa là quan hệ "hợp tác" đã tự biến thành sự chiếm hữu của nhà tư bản đối với giá trị thặng dư của người lao động

làm thuê. Và do đó, quan hệ ấy chỉ có thể dẫn đến sự cưỡng bức và bất bình đẳng mà thôi.

Quả thực, theo chúng tôi, trong quan niệm của C.Mác, ngay cả việc thực hiện công bằng xã hội trong chủ nghĩa xã hội vẫn chưa thể là một sự  *bình đẳng hoàn toàn*  về mặt hưởng thụ, vì xuất phát điểm bình đẳng trong quan hệ giữa người với người cũng mới chỉ là sự bình đẳng một phần, cụ thể là sở hữu công cộng đối với tư liệu sản xuất. Còn nguyên tắc phân phối theo lao động cũng được thực hiện dựa trên một xuất phát điểm bình đẳng, như C.Mác đã khẳng định, trong quan hệ phân phối đó không có sự phân biệt về mặt giai cấp nào giữa những người lao động, và bất cứ người nào cũng chỉ là một người lao động như người khác(13). Nhưng trên thực tế, bản thân  *lao động*  - cái được coi là xuất phát điểm bình đẳng của mỗi cá nhân vẫn không thể tách khỏi điều kiện bẩm sinh và hoàn cảnh sống vốn rất khác nhau của mỗi người lao động, nên sự phân phối ấy cũng không tránh khỏi dẫn đến sự hưởng thụ không ngang nhau. Tuy chưa có sự bình đẳng hoàn toàn về hưởng thụ, nhưng đó không phải là sự đối lập dẫn đến phủ định quan hệ hợp tác giữa những người lao động. Hơn nữa, trong quan hệ hợp tác tự nguyện thực sự ấy, “mỗi người  *đều có thể*  tự hoàn thiện mình trong bất kỳ lĩnh vực nào thích”. Khi đó, hoạt động của từng cá nhân không còn mang tính “ *độc chuyên* ” do bị ràng buộc bởi sự phân công lao động tự nhiên, nghĩa là con người được tự do, và đó thực sự là quan hệ công bằng.

Sự phân tích ở trên cho thấy, các quan niệm khác nhau về kế ước đã hướng đến sự điều tiết những quan hệ xã hội vốn rất đa dạng và phức tạp, đặc biệt là quan hệ giữa những người ở thế mạnh và những người ở thế yếu. Chẳng hạn, quan niệm của J.Rawls cho rằng, trong quan hệ hợp tác xã hội trên tinh thần kế ước xã hội, những người có lợi thế phải thực hiện bù đắp trở lại đối với những người thuộc nhóm yếu thế trong xã hội. Tuy nhiên, điều ấy lại không thể tránh khỏi dẫn đến quan hệ hợp tác  *không tương* .

Tóm lại, theo quan điểm của C.Mác, việc thực hiện phân phối theo lao động đã đảm bảo rằng, sự hưởng thụ kết quả lao động dù ít, dù nhiều nhưng sự phân phối tương xứng với khả năng riêng của mỗi người lao động (và kết quả lao động không còn bị cướp đoạt bởi những người nắm trong tay tư liệu sản xuất nữa), thì đó chính là  *sự công bằng đã loại trừ được sự tha hoá* . Bởi vì, trong quan hệ hợp tác xã hội đó, người lao động không bị tách khỏi tư liệu lao động, đồng thời cũng không còn bị người khác dùng tư liệu sản xuất để chi phối kết quả lao động nữa và do vậy, cũng không làm xuất hiện sự tha hoá với tính cách là sự bất công và bất bình đẳng xã hội. Đó là cơ sở để đạt đến việc “con người chiếm hữu bản chất toàn diện của mình một cách toàn diện, nghĩa là như một con người toàn vẹn”(14).□

(13) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.19, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995 tr.35.

(14) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.42, tr.172.